

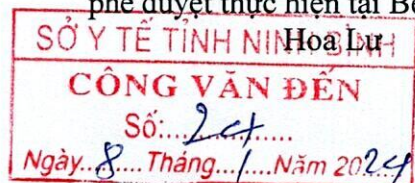
SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
BỆNH VIỆN MẮT HOA LƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03/BC-BVMHL

Ninh Bình, ngày 07 tháng 01 năm 2025

V/v cung cấp danh mục kỹ thuật được
phê duyệt thực hiện tại Bệnh viện Mắt



Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Ninh Bình

Thực hiện công văn số 48/SYT-NVY ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình về việc cung cấp danh mục kỹ thuật được phê duyệt thực hiện tại cơ sở khám chữa bệnh.

Bệnh viện Mắt Hoa Lư xin trân trọng báo cáo đến Sở Y tế tỉnh Ninh Bình danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt và thực hiện tại đơn vị. (Phụ lục đính kèm)

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCNS.



BSCKI. Nguyễn Văn Thanh

Ninh Bình, ngày 07 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THỰC HIỆN TẠI
BỆNH VIỆN MẮT HOA LƯ

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
1	1.32	01. HÔI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
2	1.54	01. HÔI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
3	1.158	01. HÔI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
4	1.259	01. HÔI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Rửa mắt tẩy độc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
5	1.285	01. HÔI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
6	2.1	02. NỘI KHOA	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
7	2.24	02. NỘI KHOA	Đo chức năng hô hấp	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
8	2.85	02. NỘI KHOA	Điện tim thường	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
9	2.96	02. NỘI KHOA	Holter huyết áp	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
10	2.128	02. NỘI KHOA	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
11	2.150	02. NỘI KHOA	Hút đờm hầu họng	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
12	9.6	09. GÂY Mê HÔI SỨC	Cấp cứu cao huyết áp	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020



STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
13	9.7	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Cấp cứu ngừng thở	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
14	9.10	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Cấp cứu tụt huyết áp	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
15	9.8	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Cấp cứu ngừng tim	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
16	9.70	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Kỹ thuật gây tê cạnh nhãn cầu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
17	9.206	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt trẻ em	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
18	9.207	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê áp tia beta điều trị các bệnh lý kết mạc trẻ em	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
19	9.282	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc tái phát	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
20	9.285	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
21	9.655	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê phẫu thuật chuyên gân điều trị mắt hờ mi (2 mắt)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
22	9.1048	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật giác mạc sâu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
23	9.1049	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê phẫu thuật lấy dị vật hốc mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
24	9.1072	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
25	9.1122	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê phẫu thuật mắt ở trẻ em	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
26	9.1161	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Gây mê phẫu thuật mức nội nhãn	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
27	14.5	14. MẮT	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
28	14.6	14. MẮT	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
29	14.12	14. MẮT	Tháo dầu Silicon nội nhãn	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
30	14.14	14. MẮT	Cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
31	14.17	14. MẮT	Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
32	14.19	14. MẮT	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
33	14.20	14. MẮT	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
34	14.22	14. MẮT	Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
35	14.23	14. MẮT	Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kính điện	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
36	14.24	14. MẮT	Tháo đai độn củng mạc	5606/QĐ-BYT ngày 07/12/2021
37	14.25	14. MẮT	Điều trị glôcôm bằng laser mống mắt chu biên	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
38	14.26	14. MẮT	Điều trị glôcôm bằng tạo hình mống mắt (Iridoplasty)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
39	14.27	14. MẮT	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
40	14.29	14. MẮT	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
41	14.32	14. MẮT	Mở bao sau đục bằng laser	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
42	14.46	14. MẮT	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	5606/QĐ-BYT ngày 07/12/2021
43	14.47	14. MẮT	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
44	14.50	14. MẮT	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	5606/QĐ-BYT ngày 07/12/2021
45	14.51	14. MẮT	Mở bao sau bằng phẫu thuật	5606/QĐ-BYT ngày 07/12/2021

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
46	14.61	14. MẮT	Nội thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
47	14.62	14. MẮT	Nối thông lệ mũi nội soi	5606/QĐ-BYT ngày 07/12/2021
48	14.63	14. MẮT	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
49	14.64	14. MẮT	Phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản - ống lệ mũi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
50	14.65	14. MẮT	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
51	14.66	14. MẮT	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
52	14.69	14. MẮT	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thùng giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
53	14.70	14. MẮT	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
54	14.71	14. MẮT	Lấy dị vật hốc mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
55	14.72	14. MẮT	Lấy dị vật trong củng mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
56	14.73	14. MẮT	Lấy dị vật tiền phòng	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
57	14.74	14. MẮT	Lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
58	14.75	14. MẮT	Cắt mộng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
59	14.76	14. MẮT	Vá da, niêm mạc tạo củng đồ có hoặc không tách dính mi cầu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
60	14.79	14. MẮT	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
61	14.80	14. MẮT	Sinh thiết tổ chức mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
62	14.81	14. MẮT	Sinh thiết tổ chức hốc mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
63	14.82	14. MẮT	Sinh thiết tổ chức kết mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
64	14.83	14. MẮT	Cắt u da mi không ghép	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
65	14.84	14. MẮT	Cắt u mi cả bề dày không ghép	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
66	14.85	14. MẮT	Cắt u da mi có trợt lông mi, vạt da, hay ghép da	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
67	14.86	14. MẮT	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
68	14.88	14. MẮT	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
69	14.92	14. MẮT	Tiêm cortison điều trị u máu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
70	14.93	14. MẮT	Điều trị u máu bằng hóa chất	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
71	14.94	14. MẮT	Áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
72	14.95	14. MẮT	Laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
73	14.98	14. MẮT	Trích mủ mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
74	14.99	14. MẮT	Ghép mỡ điều trị lõm mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
75	14.101	14. MẮT	Đặt bản silicon điều trị lõm mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
76	14.102	14. MẮT	Nâng sàn hốc mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
77	14.104	14. MẮT	Tái tạo cùng đồ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
78	14.105	14. MẮT	Cố định tuyến lệ chính điều trị sa tuyến lệ chính	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
79	14.106	14. MẮT	Đóng lỗ rò đường lệ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
80	14.107	14. MẮT	Tạo hình đường lệ có hoặc không điểm lệ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
81	14.108	14. MẮT	Phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, Faden...)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
82	14.109	14. MẮT	Phẫu thuật lác thông thường	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
83	14.110	14. MẮT	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
84	14.111	14. MẮT	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
85	14.112	14. MẮT	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
86	14.113	14. MẮT	Chỉnh chỉ sau mổ lác	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
87	14.114	14. MẮT	Phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
88	14.115	14. MẮT	Sửa sẹo sau mổ lác	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
89	14.116	14. MẮT	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
90	14.117	14. MẮT	Điều trị lác bằng thuốc	5606/QĐ-BYT ngày 07/12/2021
91	14.118	14. MẮT	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
92	14.120	14. MẮT	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đùi...) điều trị sụp mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
93	14.123	14. MẮT	Lùi cơ nâng mi	5606/QĐ-BYT ngày 07/12/2021
94	14.125	14. MẮT	Phẫu thuật tạo hình nếp mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
95	14.126	14. MẮT	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi	5606/QĐ-BYT ngày 07/12/2021
96	14.127	14. MẮT	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
97	14.129	14. MẮT	Ghép da hay vật da điều trị hở mi do sẹo	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
98	14.130	14. MẮT	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
99	14.132	14. MẮT	Phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
100	14.133	14. MẮT	Sửa sẹo xấu vùng quanh mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
101	14.134	14. MẮT	Di thực hàng lông mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
102	14.135	14. MẮT	Phẫu thuật Epicanthus	5606/QĐ-BYT ngày 07/12/2021
103	14.136	14. MẮT	Phẫu thuật mở rộng khe mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
104	14.137	14. MẮT	Phẫu thuật hẹp khe mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
105	14.138	14. MẮT	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
106	14.139	14. MẮT	Điều trị co giật mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc, laser	5606/QĐ-BYT ngày 07/12/2021
107	14.144	14. MẮT	Lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
108	14.145	14. MẮT	Phẫu thuật cắt mộng mắt chu biên	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
109	14.146	14. MẮT	Tạo hình mộng mắt (khâu mộng mắt, chân mộng mắt...)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
110	14.147	14. MẮT	Cắt bẻ sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất antiVEGF	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
111	14.148	14. MẮT	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
112	14.149	14. MẮT	Mở góc tiền phòng	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
113	14.150	14. MẮT	Mở bẻ có hoặc không cắt bẻ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
114	14.151	14. MẮT	Đặt ống Silicon tiền phòng điều trị glôcôm	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
115	14.152	14. MẮT	Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
116	14.153	14. MẮT	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
117	14.154	14. MẮT	Rút van dẫn lưu, ống silicon tiền phòng	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
118	14.155	14. MẮT	Sửa vá sẹo bong bằng kết mạc, màng ôi, củng mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
119	14.156	14. MẮT	Sửa sẹo bong bằng kim	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
120	14.157	14. MẮT	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
121	14.158	14. MẮT	Tiêm nội nhãn	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
122	14.159	14. MẮT	Tiêm nhu mô giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
123	14.161	14. MẮT	Tập nhược thị	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
124	14.162	14. MẮT	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất...)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
125	14.163	14. MẮT	Rửa chất nhân tiền phòng	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
126	14.164	14. MẮT	Cắt bỏ túi lệ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
127	14.165	14. MẮT	Phẫu thuật mộng đơn thuần	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
128	14.166	14. MẮT	Lấy dị vật giác mạc sâu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
129	14.167	14. MẮT	Cắt bỏ chấp có bọc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
130	14.168	14. MẮT	Khâu cò mi, tháo cò	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
131	14.169	14. MẮT	Trích dẫn lưu túi lệ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
132	14.170	14. MẮT	Phẫu thuật lác người lớn	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
133	14.171	14. MẮT	Khâu da mi đơn giản	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
134	14.172	14. MẮT	Khâu phục hồi bờ mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
135	14.174	14. MẮT	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
136	14.175	14. MẮT	Khâu phủ kết mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
137	14.176	14. MẮT	Khâu giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
138	14.177	14. MẮT	Khâu củng mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
139	14.178	14. MẮT	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
140	14.179	14. MẮT	Khâu lại mép mổ giác mạc, củng mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
141	14.180	14. MẮT	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
142	14.181	14. MẮT	Lạnh đông thể mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
143	14.182	14. MẮT	Điện đông thể mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
144	14.183	14. MẮT	Bơm hơi /khí tiền phòng	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
145	14.184	14. MẮT	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
146	14.185	14. MẮT	Mức nội nhãn	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
147	14.186	14. MẮT	Cắt thị thần kinh	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
148	14.187	14. MẮT	Phẫu thuật quặm	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
149	14.188	14. MẮT	Phẫu thuật quặm tái phát	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
150	14.189	14. MẮT	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
151	14.190	14. MẮT	Nhuộm giác mạc thâm mỹ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
152	14.191	14. MẮT	Mổ quặm bẩm sinh	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
153	14.192	14. MẮT	Cắt chỉ khâu giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
154	14.193	14. MẮT	Tiêm dưới kết mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
155	14.194	14. MẮT	Tiêm cạnh nhãn cầu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
156	14.195	14. MẮT	Tiêm hậu nhãn cầu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
157	14.197	14. MẮT	Bơm thông lệ đạo	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
158	14.198	14. MẮT	Lấy máu làm huyết thanh	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
159	14.199	14. MẮT	Điện di điều trị	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
160	14.200	14. MẮT	Lấy dị vật kết mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
161	14.201	14. MẮT	Khâu kết mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
162	14.202	14. MẮT	Lấy calci kết mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
163	14.203	14. MẮT	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
164	14.204	14. MẮT	Cắt chỉ khâu kết mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
165	14.205	14. MẮT	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
166	14.206	14. MẮT	Bơm rửa lệ đạo	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
167	14.207	14. MẮT	Trích chấp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
168	14.208	14. MẮT	Thay băng vô khuẩn	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
169	14.210	14. MẮT	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
170	14.211	14. MẮT	Rửa cùng đồ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
171	14.212	14. MẮT	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
172	14.213	14. MẮT	Bóc sợi giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
173	14.214	14. MẮT	Bóc giả mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
174	14.215	14. MẮT	Rạch áp xe mi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
175	14.216	14. MẮT	Rạch áp xe túi lệ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
176	14.217	14. MẮT	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
177	14.218	14. MẮT	Soi đáy mắt trực tiếp	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
178	14.219	14. MẮT	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
179	14.220	14. MẮT	Soi đáy mắt bằng Schepens	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
180	14.221	14. MẮT	Soi góc tiền phòng	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
181	14.222	14. MẮT	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
182	14.223	14. MẮT	Khám lâm sàng mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
183	14.224	14. MẮT	Đo thị giác tương phản	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
184	14.225	14. MẮT	Gây mê để khám	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
185	14.229	14. MẮT	Phẫu thuật lấy mỡ mí mắt trên, dưới và tạo hình 2 mí	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
186	14.230	14. MẮT	Phẫu thuật phục hồi trĩ mí dưới	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
187	14.231	14. MẮT	Phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hờ mí (2 mắt)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
188	14.233	14. MẮT	Phẫu thuật tạo nếp mí	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
189	14.234	14. MẮT	Phẫu thuật điều trị hờ mí	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
190	14.235	14. MẮT	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
191	14.236	14. MẮT	Phẫu thuật tạo hình mí	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
192	14.237	14. MẮT	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
193	14.240	14. MẮT	Siêu âm mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
194	14.241	14. MẮT	Đo lưu huyết mạch máu đáy mắt bằng doppler	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
195	14.242	14. MẮT	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
196	14.243	14. MẮT	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
197	14.244	14. MẮT	Chụp đáy mắt không huỳnh quang	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
198	14.248	14. MẮT	Chụp đĩa thị 3D	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
199	14.249	14. MẮT	Siêu âm bán phần trước	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
200	14.250	14. MẮT	Test thử cảm giác giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
201	14.251	14. MẮT	Test phát hiện khô mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
202	14.252	14. MẮT	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
203	14.253	14. MẮT	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
204	14.254	14. MẮT	Đo thị trường chu biên	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
205	14.255	14. MẮT	Đo nhãn áp	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
206	14.256	14. MẮT	Đo sắc giác	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
207	14.257	14. MẮT	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
208	14.258	14. MẮT	Đo khúc xạ máy	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
209	14.259	14. MẮT	Đo khúc xạ giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
210	14.260	14. MẮT	Đo thị lực	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
211	14.261	14. MẮT	Thử kính	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
212	14.262	14. MẮT	Đo độ lác	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
213	14.263	14. MẮT	Xác định sơ đồ song thị	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
214	14.264	14. MẮT	Đo biên độ điều tiết	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
215	14.265	14. MẮT	Đo thị giác 2 mắt	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
216	14.266	14. MẮT	Đo độ sâu tiền phòng	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
217	14.268	14. MẮT	Đo độ dày giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
218	14.267	14. MẮT	Đo đường kính giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
219	14.269	14. MẮT	Đếm tế bào nội mô giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
220	14.270	14. MẮT	Chụp bản đồ giác mạc	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
221	14.275	14. MẮT	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
222	14.276	14. MẮT	Đo độ lồi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
223	14.277	14. MẮT	Test thử nhược cơ	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
224	14.280	14. MẮT	Định lượng Globulin	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
225	14.281	14. MẮT	Định lượng Albumin	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
226	14.284	14. MẮT	Định lượng LDH	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
227	21.14	21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	Điện tim thường	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
228	22.19	22. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
229	22.20	22. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
230	22.21	22. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
231	22.119	22. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
232	22.120	22. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
233	22.121	22. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
234	22.134	22. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
235	22.142	22. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
236	22.143	22. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	Máu lắng (bằng máy tự động)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
237	22.149	22. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
238	22.151	22. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU	Cận Addis	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
239	23.3	23. HOÁ SINH	Định lượng Acid Uric [Máu]	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
240	23.7	23. HOÁ SINH	Định lượng Albumin	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020

STT	Mã kỹ thuật theo Thông tư 23	Tên chương	Tên kỹ thuật	Số Quyết định phê duyet
241	23.9	23. HOÁ SINH	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
242	23.10	23. HOÁ SINH	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
243	23.19	23. HOÁ SINH	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
244	23.20	23. HOÁ SINH	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
245	23.51	23. HOÁ SINH	Định lượng Creatinin (máu)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
246	23.75	23. HOÁ SINH	Định lượng Glucose [Máu]	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
247	23.81	23. HOÁ SINH	Định lượng HBsAg (HBsAg Quantitative) (cmIA/ECLIA) [Máu]	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
248	23.110	23. HOÁ SINH	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
249	23.111	23. HOÁ SINH	Đo hoạt độ LDH (Lactate dehydrogenase) [Máu]	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
250	23.133	23. HOÁ SINH	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
251	23.166	23. HOÁ SINH	Định lượng Urê máu [Máu]	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
252	23.206	23. HOÁ SINH	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
253	23.211	23. HOÁ SINH	Định lượng Albumin	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
254	24.305	24. VI SINH, KÝ SINH TRÙNG	Demodex soi tươi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
255	24.319	24. VI SINH, KÝ SINH TRÙNG	Vi nấm soi tươi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
256	24.321	24. VI SINH, KÝ SINH TRÙNG	Vi nấm nhuộm soi	5032/QĐ-BYT ngày 02/12/2020
257	24.108	24. VI SINH, KÝ SINH TRÙNG	Virus test nhanh	5606/QĐ-BYT ngày 07/12/2021
Tổng cộng: 257 kỹ thuật				

Nơi nhận:

Sở Y tế (báo cáo)

Lu: HCNS



BSCKI. Nguyễn Văn Thanh